

*Gia Lâm, ngày 05 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 318/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Số X phố Đ, phường L, quận B, thành phố H.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đ D, sinh năm 1970;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Số Y phố H, thị trấn Y, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Đ D.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Đ D, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị T và anh D xác nhận anh và chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 10/11/2011. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất tinh thần, chị T và anh D không có yêu cầu đề nghị gì về cháu Đ nên Tòa án không xét.

Giao cháu V cho chị T là mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu V trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072784 ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả chị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND thị trấn Y, huyện G (GCNKH số 43/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Ngân**